

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 47/2002/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002; Nghị định sửa đổi, bổ sung số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/05/2002 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT)

Thực hiện Nghị định thư về việc tham gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào Hiệp định về Chương trình Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT) để thực hiện Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (sau đây được gọi là Hiệp định CEPT/AFTA), ký tại Băng cốc ngày 15/12/1995;

Thi hành Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 2002; Nghị định số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/05/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 2002;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I/ PHẠM VI ÁP DỤNG

Hàng hoá nhập khẩu thuộc diện áp dụng thuế suất ưu đãi CEPT, quy định tại Điều 1 của Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002 của Chính phủ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nằm trong Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 2002 ban hành kèm theo Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002 của Chính phủ; và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/05/2002 của Chính phủ.

2. Được nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam, bao gồm các nước sau:

- Bru-nây Đa-ru-sa-lam;
- Vương quốc Cam-pu-chia;
- Cộng hoà In-đô-nê-xi-a;
- Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào;
- Liên bang My-an-ma;
- Cộng hoà Phi-lip-pin;
- Cộng hoà Sin-ga-po; và
- Vương quốc Thái Lan;

3. Thoả mãn yêu cầu xuất xứ ASEAN, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN - Mẫu D (quy định tại phần III của Thông tư này); và

4. Được chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên của ASEAN đến Việt Nam.

III/ THUẾ SUẤT NHẬP KHẨU ÁP DỤNG:

1. Mức thuế suất nhập khẩu áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu thuộc diện hưởng thuế suất ưu đãi CEPT theo quy định tại Phần I của Thông tư này là thuế suất CEPT được quy định tại Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 2002 ban hành kèm theo Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/2/2002 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là mức thuế suất ưu đãi CEPT 2002). Riêng đối với 4 nhóm mặt hàng cụ thể gồm phomát (nhóm 0406), cà phê (nhóm 0901), động cơ xe (nhóm 8407, 8408), mức thuế suất nhập khẩu áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu thuộc diện hưởng thuế suất ưu đãi CEPT là thuế suất CEPT được quy định tại Danh mục sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Nghị định số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/05/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 21/2002/NĐ-CP.

2. Trường hợp mức thuế suất MFN của một mặt hàng quy định trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành trong năm 2002 được điều chỉnh thấp hơn so với mức thuế suất ưu đãi CEPT 2002 thì mức thuế suất nhập khẩu áp dụng cho mặt hàng này sẽ là mức thuế suất MFN thấp hơn đó.